

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2018/HNGĐ-ST**  
Ngày: 12/9/2018  
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Lương Văn**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Hoàng Thị An**

2. Bà **Trần Thị Đông**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Trương Thị Hà** - Cán bộ Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:* Bà **Đỗ Lê Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 110/2018/TLST - HNGS ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Quốc D** – sinh năm 1980. HKTT và nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Đ, TP Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị **Phan Thùy D** – sinh năm 1983. HKTT: Thôn L, xã X, huyện Đ, TP Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện Đ, TP Hà Nội.

*Có mặt anh D, vắng mặt chị D.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 29/01/2018 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh **Nguyễn Quốc D** trình bày: Anh xây dựng gia đình với chị **Phan Thùy D** trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, TP Hà Nội. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, hai vợ chồng sinh sống và làm ăn tại thôn L, xã X, huyện Đ, TP Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau về tình cảm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau; chị D không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến chồng con. Anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị D không thay đổi. Đến tháng 4 năm 2017 chị D tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã V, huyện Đ, TP Hà Nội sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn chị D.

- Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là Nguyễn Phan Khánh L – sinh ngày 29/7/2006, Nguyễn Phan Đức H – sinh ngày 23/12/2007. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, hai con ở cùng với anh, thỉnh thoảng anh có đưa hai con lên nhà ông bà ngoại tại thôn Đ, xã V, huyện Đ, TP Hà Nội để các con gặp chị D. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh hiện làm nghề tự do thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/tháng, có nhà ở ổn định tại thôn L, xã X, huyện Đ, TP Hà Nội nên đủ điều kiện để nuôi các con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh xác định anh và chị D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn chị Phan Thùy D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không lấy được lời khai và trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

\* Ông Nguyễn Mai H và bà Trần Thị T là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Quốc D xác định quá trình chung sống vợ chồng anh D và chị D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau và nhiều lần chị D bỏ đi rồi lại quay về chung sống với anh D. Tuy nhiên, từ tháng 5 năm 2017 chị D đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã V, huyện Đ, TP Hà Nội sinh sống, không quan tâm hỏi han gì sức khỏe các con; vợ chồng anh D sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay, thỉnh thoảng anh D có đưa các con về thôn Đ, xã V, huyện Đ, TP Hà Nội để các con gặp chị D. Nay anh D xin ly hôn thì đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D để mỗi người được ổn định cuộc sống riêng.

\* Ông Phan Văn P là bố đẻ của chị Phan Thùy D xác định từ khoảng tháng 6 năm 2017 chị D có về nhà ông tại thôn Đ, xã V, huyện Đ, TP Hà Nội sinh sống, chị

D có nói vợ chồng sống ly thân nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng chị D thì ông không biết. Nay anh D xin ly hôn chị D thì ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh D vẫn giữ nguyên các lời khai đã khai trước đây, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên anh kiên quyết xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Nếu ly hôn, anh xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội thẩm trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật, không vi phạm thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối xét xử, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh D là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D, giao cả hai con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, công sức không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 03/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định phiên tòa được mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 22/8/2018. Quyết định đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/8/2018 chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp theo mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 12/9/2018. Quyết định hoãn phiên tòa được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/9/2018 có mặt nguyên đơn, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, TP Hà Nội ngày 28/12/2005 nên hôn

nhân giữa anh D và chị D là hôn nhân hợp pháp. Theo tài liệu xác minh thì chị D đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã X, huyện Đ, TP Hà Nội; khi vợ chồng sống ly thân thì chị D về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã V, huyện Đ, TP Hà Nội sinh sống. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn: Anh D xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 4/2017 chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã V, huyện Đ, TP Hà Nội sống, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn. Từ khi thụ lý cho đến nay bị đơn là chị Phan Thùy D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh D. Quan điểm của bố mẹ đẻ anh D đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D; quan điểm của bố đẻ chị D đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu của anh D theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã X xác nhận từ khoảng giữa năm 2017 đến nay chị D không còn sinh sống tại xã X, hiện anh D và hai con sinh sống tại xã X.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh D chị D đã kéo dài, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã V, huyện Đ, TP Hà Nội sinh sống. Tòa án đã nhiều lần thông báo hợp lệ cho chị D đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng chị D không đến, cho thấy rằng chị D không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Anh D xin ly hôn chị D là có sở sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh D đối với chị D.

[2.3] Về con chung: Anh, chị có hai con chung là Nguyễn Phan Khánh L – sinh ngày 29/7/2006, Nguyễn Phan Đức H – sinh ngày 23/12/2007. Ly hôn, nguyện vọng của anh D xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét nguyện vọng nuôi con của anh D là chính đáng, anh có nghề nghiệp thu nhập ổn định, thực tế hiện nay anh đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và hai con chung đều có nguyện vọng được ở cùng anh D. Do vậy, nên giao cả hai con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Dưỡng cho đến khi có sự thay đổi. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh D xác định không có. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị D không tham gia tố tụng, Tòa án không lấy được lời khai của chị D nên không có cơ sở xác định về tài sản chung và yêu cầu của bị đơn. Do vậy, Tòa án giành quyền cho chị D có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Các Điều 56, 58 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Quốc D xin ly hôn đối với chị Phan Thùy D. Anh Nguyễn Quốc D được ly hôn chị Phan Thùy D.

[2] Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Phan Khánh L – sinh ngày 29/7/2006, Nguyễn Phan Đức H – sinh ngày 23/12/2007 cho anh Nguyễn Quốc D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp nuôi con chung cho chị D cho đến khi có sự thay đổi.

Chị Phan Thùy D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Chị D có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh D phải chịu cả nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001213 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, anh Nguyễn Quốc D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phan Thùy D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tổng đạt án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Đông Anh;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THS DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã V (Số 81/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*Võ Lương Vân*

